ĐẠI HỌC QUỐC GIA TPHCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
Số: 915/ĐHQT-QĐ-ĐTĐH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v đình chỉ học tập, học kỳ 2 năm học 2015-2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-ĐHQG/TCCB ngày 16 tháng 04 năm 2004 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh về việc ban hành Qui chế về tổ chức và hoạt động của trường Đại học Quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-ĐHQT ngày 20 tháng 08 năm 2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế về việc ban hành "Quy chế học vụ bậc đại học theo học chế tín chỉ";

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 28 tháng 04 năm 2016 về việc xử lý học vụ HK2 và xét tốt nghiệp đợt 1 năm học 2015-2016;

Căn cứ đề nghị của Lãnh đạo khoa Quản trị Kinh doanh, Công nghệ Sinh học, Công nghệ Thông tin, Điện tử Viễn thông, Bộ môn Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Kỹ thuật y sinh, Kỹ thuật xây dựng và Bộ môn Toán trường Đại học Quốc tế;

Theo đề nghị của Phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý đình chỉ học tập các sinh viên có tên trong danh sách (đính kèm) vì lý do:

- Học quá thời gian cho phép
- Không đăng ký môn học
- Tạm dừng quá thời gian cho phép
- Quá 2 lần cảnh cáo học vụ

Điều 2. Xóa tên các sinh viên có tên trong danh sách bị đình chỉ học tập ra khỏi danh sách sinh viên từ học kỳ 2, năm học 2015-2016.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/ Bà Trưởng Phòng chức năng, Trưởng Khoa/ Bộ môn liên quan và các sinh viên có tên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Hồ Thanh Phong

Đại học Quốc Tế
Phòng Đào tạo Đại học

Danh Sách Xử Lý Đình Chỉ Học Tập

Học kỳ 2 , năm học 2015-2016

STT	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Tên lớp	Học quá TG cho phép	Ko ĐKMH	Tạm dừng quá hạn	CCHV>2 (GPA)
1	BABAAU12011	ĐỖ TẤN	ĐẠT	08/12/94	BABA12AU21		x		
2	BABAAU12027	PHAN CHÂU	HUY	03/10/94	BABA12AU11		x		
3	BABAAU12038	VĂN ĐÌNH LINH	PHƯƠNG	07/11/94	BABA12AU21		x		
4	BABAAU12044	TRẦN THANH	TÂN	09/01/94	BABA12AU31		x		
5	BABAAU12060	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG	PHÚC	04/05/94	BABA12AU21			x	
6	BABAAU12064	PHẠM ÁI THANH	VY	04/11/94	BABA12AU21		x		0.8
7	BABAAU13037	NGUYỄN TRẦN XUÂN	THẢO	21/11/95	BABA13AU11		x		
8	BABAAU14021	CAO QUỐC	HƯNG	22/12/96	BABA14AU21				35.3
9	BABAIU10220	ĐINH NGUYỄN QUỲNH	TRANG	08/03/92	BABA10MK1		x		
10	BABAIU11012	NGUYỄN TẤN	PHƯỚC	09/01/93	BABA11MK1				0.0
11	BABAIU11086	ĐOÀN NGUYỄN PHƯƠNG	QUANG	10/03/93	BABA11IB1		x		
12	BABAIU11091	TRỊNH PHƯƠNG	THẢO	30/04/93	BABA11MK2				0.0
13	BABAIU11191	ĐỖ HOÀNG	PHÚC	30/07/93	BABA11IB2				3.0
14	BABAIU11197	TỐNG MINH	ANH	10/12/93	BABA11IB2		x		
15	BABAIU11213	HUỲNH ĐỖ QUANG	DUY	26/09/93	BABA11IU21				32.1
16	BABAIU11248	DƯƠNG VĨNH HOÀNG PHI	VŨ	29/07/93	BABA11IB2		x		
17	BABAIU12055	ĐẶNG NGUYỄN THẢO	NHI	01/01/94	BABA12MK1			x	
18	BABAIU12259	ĐẶNG ĐỨC KHÁNH	UYÊN	11/09/94	BABA12MK1				20.0
19	BABAIU12269	SEAN MICHAEL	FARRELLY	01/07/93	BABA12IU51				21.6
20	BABAIU13053	LÊ HUYỀN	ĐỨC	21/11/95	BABA13IU11				30.9
21	BABAIU13092	TRẦN QUANG	HOÀNG	21/02/95	BABA13IU11		x		1.3
22	BABAIU13360	SISOUK	BOUNTEM	01/08/92	BABA13IU42			x	
23	BABAIU14062	TRẦN KHÁNH	DUNG	18/10/96	BABA14IU32				6.2
24	BABAIU14222	NGUYỄN QUANG DIỄM	QUỲNH	21/01/96	BABA14IU22		x		

Danh Sách Xử Lý Đình Chỉ Học Tập

STT	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Tên lớp	Học quá TG cho phép	Ko ĐKMH	Tạm dừng quá hạn	CCHV>2 (GPA)
25	BABAIU14294	VŨ THỊ HUYỀN	TRANG	10/11/96	BABA14IU31			x	
26	BABAIU14348	LÂM VIỆT	TRUNG	24/02/96	BABA14IU11			x	
27	BABAIU14370	LÊ TRẦN BẢO	NGHI	02/06/96	BABA14IU31			x	
28	BABANS13003	CAO NGỌC PHƯƠNG	ANH	04/12/95	BABA13NS41		x		
29	BABANS13017	NGUYỄN TÔ TRIỀU	GIANG	24/10/95	BABA13NS11				13.7
30	BABANS13053	BÙI THỊ	TRINH	10/04/95	BABA13NS21		x		10.4
31	BABANS13056	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	UYÊN	31/03/95	BABA13NS41			x	
32	BABANS13061	NGUYỄN CHÍ	CƯỜNG	07/10/95	BABA13NS31		x		
33	BABANS14071	LÝ TRẦN HUỲNH	NHƯ	20/06/96	BABA14NS11			x	
34	BABANS14089	TRƯƠNG MINH	HUY	22/11/96	BABA14NS11		x		
35	BABAUH12102	PHAN THỊ DIỄM	THÚY	20/04/92	BABA12UH21		x		
36	BABAUH12170	TRẦN THIỆN	CHÍ	17/10/94	BABA12UH11				15.8
37	BABAUH14082	PHAN CAO HỒNG	THƯƠNG	21/04/96	BABA14UH11		x		0.8
38	BABAUH14093	NGUYỄN LAN	VIÊN	20/11/96	BABA14UH11		x		
39	BABAUH14102	ĐOÀN THỊ HƯƠNG	GIANG	07/07/96	BABA14UH21		x		15.3
40	BABAUH14104	PHẠM LÂM KHÁNH	HÒA	27/02/96	BABA14UH11		x		
41	BABAUH14106	HỒ VĂN	HUY	04/04/96	BABA14UH11		x		0.0
42	BABAUH14108	NGUYỄN BẢO DUY	KHANG	15/11/96	BABA14UH31				11.2
43	BABAUH14116	LÊ BÁ	PHÚC	26/01/96	BABA14UH11		x		
44	BABAUN13003	NGUYỄN DIỆP GIA	BẢO	13/06/95	BABA13UN31				30.9
45	BABAUN13010	NGÔ KIM	GIÀU	15/11/95	BABA13UN21			x	
46	BABAUN13060	NGUYỄN THANH	TRANG	11/04/95	BABA13UN11		x		33.5
47	BABAUN13077	NGUYỄN THẾ	ANH	24/03/92	BABA13UN51		x		3.3
48	BABAWE12061	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	08/10/94	BABA12WE21		x		
49	BABAWE12070	LÊ MAI	HƯƠNG	10/07/94	BABA12WE21			x	
50	BABAWE12079	TRẦN DUY	ĐẠI	22/10/94	BABA12WE21		x		
51	BABAWE13039	ĐỖ TRẦN DUY	THANH	23/03/95	BABA132WE11		x		0.0
52	BABAWE13071	NGUYỄN MAI TRÂM	ANH	02/01/95	BABA134WE31		x		0.0

Danh Sách Xử Lý Đình Chỉ Học Tập

STT	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Tên lớp	Học quá TG cho phép	Ko ĐKMH	Tạm dừng quá hạn	CCHV>2 (GPA)
53	BABAWE13080	PHẠM NGUYỄN HẢI	NINH	30/10/95	BABA132WE11				8.1
54	BABAWE13089	TRẦN THỊ	HẠNH	12/03/95	BABA132WE21		x		
55	BABAWE13136	LÊ THANH	TOÀN	17/05/95	BABA132WE11		x		0.0
56	BABAWE13159	HOÀNG GIA	TẤN	10/11/95	BABA132WE21		x		0.0
57	BABAWE13186	NGUYỄN QUANG	THẮNG	05/11/95	BABA134WE11		x		0.0
58	BABAWE13190	LÊ NGUYỄN NHẬT	HOÀNG	21/03/95	BABA13WE11		x		0.0
59	BABAWE13195	NGUYỄN ĐỨC AN	KHƯƠNG	18/12/95	BABA134WE11			x	
60	BABAWE13219	TRẦN VŨ HOÀI	ÂN	02/07/95	BABA132WE21		x		50.3
61	BABAWE13227	KHÂU DIỄM	LỘC	22/01/95	BABA134WE21		x		
62	BABAWE13229	TRẦN NGUYỄN DUY	ĐẠT	04/04/95	BABA134WE11		x		0.0
63	BABAWE13251	TÔN HOÀNG	TUẤN	15/08/95	BABA13WE31				31.8
64	BABAWE13254	NGUYỄN ĐỒNG NHÃ	TRÂN	19/09/95	BABA13WE21		x		
65	BABAWE14017	NGUYỄN BẢO	HÀ	20/09/96	BABA144WE11		x		0.1
66	BABAWE14037	TRẦN NGUYỄN HƯƠNG	LY	06/11/96	BABA142WE31		x		
67	BABAWE14040	NGUYỄN PHAN THANH	MINH	09/09/96	BABA144WE11				36.0
68	BABAWE14114	ĐÀO ĐĂNG	KHOA	01/05/95	BABA143WE11		x		0.1
69	BABAWE14140	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	04/09/96	BABA144WE21		x		1.1
70	BABAWE14202	NGUYỄN NGỌC QUỐC	VY	18/07/96	BABA144WE11				0.0
71	BABAWE14205	NGUYỄN QUỐC	THÔNG	23/01/96	BABA144WE11		x		0.6
72	BABAWE14211	TÔN PHẠM XUÂN	PHƯỚC	28/02/96	BABA144WE11		x		9.7
73	BABAWE14220	VÕ ANH	HUY	06/07/96	BABA144WE31		x		0.5
74	BABAWE14226	VÕ BÁ CHIÊU	THƯ	20/02/96	BABA142WE31				23.3
75	BABAWE14228	ĐỖ VĂN	HOÀNG	20/10/94	BABA14WE21				17.9
76	BAFNIU10277	HUỲNH MỸ	DUYÊN	04/09/92	BAFN10CF1		x		
77	BAFNIU10334	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	20/10/92	BAFN10CF1				22.6
78	BAFNIU11033	NG TRƯƠNG HOÀNG	PHÚC	14/12/93	BAFN11CF1		x		
79	BAFNIU11105	BÙI LÊ	GIANG	06/10/93	BAFN11CF2		x		
80	BAFNIU11141	BÙI MINH	QUÂN	18/05/93	BAFN11CF2		x		

Danh Sách Xử Lý Đình Chỉ Học Tập

STT	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Tên lớp	Học quá TG cho phép	Ko ĐKMH	Tạm dừng quá hạn	CCHV>2 (GPA)
81	BAFNIU11160	LÃ THỊ HẢI	YẾN	26/10/92	BAFN11CF1		x		
82	BAFNIU12072	NGUYỄN HOÀNG	TRUNG	27/08/91	BAFN12IU21				11.7
83	BAFNIU12081	ĐẶNG THANH	NHÃ	05/10/94	BAFN12CF1		x		
84	BAFNIU13045	LÊ TRÁNG	KIỆT	18/07/95	BAFN13IU11		x		
85	BAFNIU13083	ĐẶNG MINH	SƠN	25/09/95	BAFN13IU41				9.3
86	BAFNIU13185	PHAN LÂM TƯỜNG	VY	12/02/95	BAFN13IU31			x	
87	BAFNIU13229	VŨ QUỲNH	HOA	01/07/95	BAFN13IU21		x		
88	BAFNIU14088	LÊ TRẦN NHƯ	NGỌC	16/06/96	BAFN14IU11				5.2
89	BAIU08138	LÊ VĂN	NAM	21/12/90	BA08IB1		x		9.6
90	BAIU09043	BÙI THỊ GIÁNG	HƯƠNG	01/06/91	BA09AF2				4.5
91	BAIU09044	CAO HOÀNG	GIANG	02/09/91	BA09BM1				0.0
92	BEBEIU12033	NGUYỄN MINH	QUANG	27/11/94	BEBE12IU21				0.8
93	BEBEIU13023	NGUYỄN THỊ	HẬU	06/09/95	BEBE13IU11			x	
94	BEBEIU13157	HÀ THANH	VŨ	26/05/95	BEBE13IU11				18.7
95	BEBEIU14044	NGUYỄN DUY	KHOA	27/09/96	BEBE14IU11		x		
96	BTARIU13031	TRƯƠNG NGỌC TRÚC	PHƯƠNG	09/04/95	BTAR13IU21		x		0.0
97	BTARIU14079	VŨ ĐOÀN ANH	THƯ	13/11/96	BTAR14IU11		x		15.0
98	BTBTIU11082	TRẦN MINH	TUẤN	01/11/93	BTBT11IU51		x		0.0
99	BTBTIU12035	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	20/06/94	BTBT12IU51		x		
100	BTBTIU12059	NGUYỄN HỮU	THỜI	04/10/93	BTBT12IU11			x	
101	BTBTIU12109	LÂM THÁI LAN	ANH	04/07/94	BTBT12IU31		x		
102	BTBTIU13246	VÕ THỊ	YẾN	20/06/95	BTBT13IU12		x		
103	BTBTIU14022	TRẦN NGỌC	ÁNH	14/11/96	BTBT14IU11		x		
104	BTBTIU14299	TRẦN TIỂU	YẾN	14/06/95	BTBT14IU11		x		3.4
105	BTBTIU14330	LÂM THẾ	KHANG	08/10/96	BTBT14IU13		x		
106	BTBTUN12010	TRẦN MY ÁI	NHI	17/05/94	BTBT12UN11				12.6
107	BTBTUN13022	HỒ NGUYỄN HOÀNG	NAM	23/06/95	BTBT13UN21			x	
108	BTBTUN14023	BÙI LÊ THẢO	NHI	11/05/96	BTBT14UN11		x		0.0

Danh Sách Xử Lý Đình Chỉ Học Tập

STT	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Tên lớp	Học quá TG cho phép	Ko ĐKMH	Tạm dừng quá hạn	CCHV>2 (GPA)
109	BTBTUN14041	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	23/01/96	BTBT14UN21			x	
110	BTBTUN14049	CAO TÔ	HÀ	24/02/96	BTBT14UN31				24.7
111	BTBTWE14004	TRẦN KHÁNH	HƯNG	12/03/95	BTBT14WE11		x		
112	BTBTWE14015	VŨ THỊ BÍCH	NGỌC	11/02/96	BTBT14WE11		x		
113	BTFTIU11020	NGUYỄN QUỐC	KHANG	26/08/93	BTFT11IU11				3.1
114	BTFTIU12032	ĐINH NGUYÊN	TÂM	06/07/94	BTFT12IU11				17.6
115	BTFTIU13048	ĐOÀN NGỌC ĐĂNG	KIM	22/04/95	BTFT13IU21		x		
116	BTFTIU14069	HUỲNH KIM	QUYÊN	29/04/96	BTFT14IU11		x		
117	BTFTIU14072	VŨ PHƯƠNG	QUỲNH	20/10/96	BTFT14IU11		x		
118	BTIU08044	VÕ MINH	THIỆN	22/04/90	BT08IU12	x			
119	BTIU09036	NGUYỄN NGỌC	TÙNG	18/03/91	BT09IU12				18.9
120	BTIU09045	HUỲNH VŨ UYÊN	THI	22/01/90	BT09IU12		x		7.9
121	BTIU09062	NGUYỄN THÙY	NHUNG	29/06/91	BT09IU12	x	x		
122	CECEIU11003	TRẦN QUỐC	TOẢN	19/12/93	CECE11IU11		x		21.5
123	CECEIU13009	LAI CẨM	ĐƯỜNG	05/11/94	CECE13IU31		x		1.0
124	CECEIU13014	THƯƠNG QUỐC	HUY	02/12/95	CECE13IU21				32.1
125	CECEIU13091	VÕ PHI	HOÀNG	26/09/93	CECE13IU11		x		10.0
126	CECEIU14001	HOÀNG CÔNG	ANH	11/10/96	CECE14IU31				42.9
127	CECEIU14035	TRẦN HOÀNG	VIỆT	05/09/96	CECE14IU31				30.6
128	CECEIU14043	ĐẶNG TÙNG	NHÂN	03/01/96	CECE14IU11				2.1
129	EEACIU14014	ĐẶNG BÁ	THIỆN	11/12/96	EEAC14IU21		x		
130	EEEEIU10032	TRỊNH QUANG	ANH	23/01/92	EEEE10IU21		x		11.7
131	EEEEIU13019	VŨ TRỌNG	NGHĨA	29/07/95	EEEE13IU11		x		
132	EEEEIU13028	LƯU CHÍ	SANH	24/10/95	EEEE13IU11		x		
133	EEEEIU13044	ĐOÀN LÊ MINH	TRANG	01/04/95	EEEE13IU11				36.0
134	EEEEIU13054	NGUYỄN ĐỨC	VINH	10/10/95	EEEE13IU11		x		1.8
135	EEEEIU13116	VƯƠNG TRUNG	HIẾU	29/03/95	EEEE13IU11		x		16.3
136	EEEEIU14027	DIỆP ĐÌNH ĐĂNG	MINH	21/09/96	EEEE14IU11		x		

Danh Sách Xử Lý Đình Chỉ Học Tập

STT	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Tên lớp	Học quá TG cho phép	Ko ĐKMH	Tạm dừng quá hạn	CCHV>2 (GPA)
137	EEEERG14004	LÊ CÔNG	THÀNH	07/10/96	EEEE14RG31				0.0
138	EEEESB13001	ĐỒNG VŨ	AN	18/03/95	EEEE13SB11			x	
139	EEEESB14003	ĐÀO NGỌC	THIỆN	11/01/95	EEEE14SB11				0.9
140	EEEEWE12001	TRẦN VIỆT	DUY	04/04/94	EEEE12WE21				9.6
141	IEIEIU10013	HÀ SƠN	LÂM	26/06/92	IEIE10IU21				0.0
142	IEIEIU10014	TRẦN THỊ NHƯ	NGUYỄN	29/11/92	IEIE10IU11				27.9
143	IEIEIU12031	PHẠM MINH	HẢI	14/03/94	IEIE12IU51		x		
144	IEIEIU13015	ĐINH BÙI PHƯƠNG	HIỀN	19/06/95	IEIE13IU31				0.0
145	IEIEIU13090	NGUYỄN MINH	ĐỨC	21/07/94	IEIE13IU21		x		0.0
146	IEIEIU14056	VŨ TUẤN	ANH	04/08/96	IEIE14IU21		x		
147	IEIEIU14074	HỒ NHẬT	TÂN	15/08/96	IEIE14IU11				0.0
148	IEIEIU14082	LÂM NGHĨA	ĐẠT	09/01/96	IEIE14IU21		x		0.0
149	IEIERG13006	KHẾ TRẦN NHẬT	MY	19/11/95	IEIE13RG11		x		2.0
150	IEIERG13007	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	QUÂN	13/09/95	IEIE13RG51			x	
151	IEIERG13008	NGUYỄN QUỐC	VĂN	02/04/95	IEIE13RG51				24.4
152	IEIU09014	NGUYỄN HOÀNG	ANH	21/02/91	IE09IU11				1.9
153	IELSIU14012	BÙI ANH	DŨNG	15/04/96	IELS14IU21				0.0
154	IELSIU14054	NGUYỄN MINH	NHẬT	22/10/96	IELS14IU22				35.4
155	ITCSIU11003	NGÔ MINH	QUÂN	22/05/93	ITCS11IU31				33.8
156	ITITIU10009	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	09/01/92	ITIT10CE1		x		
157	ITITIU12022	ĐỖ QUỐC	TOÀN	06/12/94	ITIT12IU21				27.0
158	ITITIU12057	VÕ PHÚ	QUÍ	22/11/88	ITIT12IU31				21.9
159	ITITIU13007	TRƯƠNG LÂM THÀNH	ĐỨC	01/01/95	ITIT13IU21				19.9
160	ITITIU13014	PHẠM ĐỨC	DUY	28/08/95	ITIT13IU51				33.1
161	ITITIU13018	NGUYỄN THIÊN LONG	GIANG	15/10/95	ITIT13IU41		x		
162	ITITIU13055	HUỲNH THIÊN	PHÚ	13/09/95	ITIT13CS				32.6
163	ITITIU14011	HOÀNG LONG	CƠ	16/10/96	ITIT14CS1		x		24.6
164	ITITIU14014	ĐỖ THANH	DANH	05/02/96	ITIT14IU21				38.9

Danh Sách Xử Lý Đình Chỉ Học Tập

STT	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Tên lớp	Học quá TG cho phép	Ko ĐKMH	Tạm dừng quá hạn	CCHV>2 (GPA)
165	ITITIU14022	LẠI MINH	DUY	02/07/96	ITIT14NE1				31.8
166	ITITIU14039	PHẠM HỒ TẤN	HUY	07/10/96	ITIT14CS1		x		6.9
167	ITITIU14071	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	06/08/96	ITIT14IU21		x		
168	ITITIU14074	ĐẶNG VĨNH	NIÊN	24/06/96	ITIT14CE1		x		0.0
169	ITITIU14078	NGUYỄN HOÀNG	PHIÊN	09/10/96	ITIT14IU21		x		3.0
170	ITITIU14084	NGUYỄN CÔNG	SƠN	08/12/96	ITIT14CS1				29.3
171	ITITIU14101	LÊ QUANG	TRỰC	08/12/96	ITIT14NE1				39.5
172	ITITUN14015	TRƯƠNG HOÀNG	LINH	24/04/91	ITIT14UN11		x		
173	ITIU08030	NGUYỄN MỸ NHẬT	QUANG	08/10/90	IT08CS1		x		
174	ITIU09019	HUỲNH NGỌC	TUYÊN	26/02/91	IT09NE11		x		18.7
175	ITIU09131	PHAN TIẾN	NHỰT	06/01/87	IT09CS11		x		
176	ITIU09145	NGUYỄN MINH ANH	QUỐC	29/11/91	IT09NE11	x	x		
177	MAMAIU13013	TRẦN TRUNG	KIÊN	14/01/95	MAMA13IU51				32.5
178	MAMAIU13035	TRẦN HUỲNH HỮU	PHƯỚC	29/09/95	MAMA13IU31		x		0.0
179	MAMAIU14029	NGUYỄN DUY	THẾ	05/02/96	MAMA14IU31				4.5
180	MAMAIU14049	TÔN NỮ THỊ DIỆU	HIỀN	20/09/96	MAMA14IU31		x		0.0

28 April 2016